

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10**  
**Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo năm học 2026 - 2027**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;*

*Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;*

*Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú, tuyển sinh vào lớp 10 các trường trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;*

*Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-SGDĐT ngày 10/6/2026 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng về việc thành lập các Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 - 2027;*

*Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo tại Tờ trình số 133/TTr-THPTC-THĐ ngày 28/7/2026;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo năm học 2026 - 2027 gồm 385 học sinh (có danh sách đính kèm), cụ thể như sau:

1. Chuyên Toán: 02 lớp với 70 học sinh. Điểm trúng tuyển: 32.35 điểm trở lên.

2. Chuyên Vật lí: 01 lớp với 35 học sinh. Điểm trúng tuyển: 29.00 điểm trở lên.

3. Chuyên Hóa học: 01 lớp với 35 học sinh. Điểm trúng tuyển: 32.60 điểm trở lên.

4. Chuyên Sinh học: 01 lớp với 35 học sinh. Điểm trúng tuyển: 33.08 điểm trở lên.

5. Chuyên Tiếng Anh: 02 lớp, với 70 học sinh. Điểm trúng tuyển: 33.95 điểm trở lên.

6. Chuyên Ngữ văn: 01 lớp với 35 học sinh. Điểm trúng tuyển: 32.25 điểm trở lên.

7. Chuyên Tin học: 01 lớp với 35 học sinh. Điểm trúng tuyển: 32.30 điểm trở lên.

8. Chuyên Lịch sử: 01 lớp với 35 học sinh. Điểm trúng tuyển: 29.10 điểm trở lên.

9. Chuyên Địa lí: 01 lớp với 35 học sinh. Điểm trúng tuyển: 26.30 điểm trở lên.

**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo thông báo danh sách trúng tuyển, tiếp nhận học sinh trúng tuyển vào nhập học theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các đơn vị, Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Đức Lợi**

**DANH SÁCH**

**Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo năm học 2026-2027**  
(Kèm theo Quyết định số:     /QĐ-SGDĐT ngày     tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở GDĐT)

**1. Lớp chuyên Toán**

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | GT  | Điểm môn không chuyên |         |           | Điểm môn chuyên | Tổng điểm 4 môn thi |
|-----|--------|-------------------------|------------|-----------------|-----|-----------------------|---------|-----------|-----------------|---------------------|
|     |        |                         |            |                 |     | Toán                  | Ngữ văn | Tiếng Anh |                 |                     |
| 1   | 030141 | NGUYỄN NHẬT HUY         | 26/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.050                 | 8.750   | 9.600     | 15.000          | 41.400              |
| 2   | 040064 | NGUYỄN BÁ QUỐC DŨNG     | 02/01/2011 | Thanh Hóa       | Nam | 9.750                 | 7.750   | 7.600     | 15.000          | 40.100              |
| 3   | 040201 | LA TUẤN KHÔI            | 07/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.750                 | 7.750   | 6.600     | 16.000          | 40.100              |
| 4   | 040217 | NGUYỄN ANH KIỆT         | 10/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.250                 | 7.750   | 8.800     | 14.250          | 40.050              |
| 5   | 030410 | NGÔ NGUYỄN THIÊN PHÚC   | 15/08/2011 | Khánh Hòa       | Nam | 9.250                 | 7.750   | 9.000     | 13.500          | 39.500              |
| 6   | 030163 | LÂM DIỆP HY             | 06/01/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 8.800                 | 5.750   | 8.600     | 16.250          | 39.400              |
| 7   | 030060 | NGUYỄN HUỲNH NGỌC DIỆP  | 22/06/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.800                 | 8.250   | 8.800     | 13.500          | 39.350              |
| 8   | 030126 | NGÔ NHẬT HOÀI           | 19/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.050                 | 8.000   | 8.200     | 14.250          | 38.500              |
| 9   | 040519 | NGUYỄN MINH TIẾN        | 06/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.050                 | 7.250   | 9.400     | 13.750          | 38.450              |
| 10  | 040592 | LƯU THỊ THẢO VY         | 04/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.300                 | 8.250   | 9.400     | 12.250          | 38.200              |
| 11  | 030262 | NGUYỄN THÀNH LONG       | 26/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.500                 | 5.750   | 8.200     | 15.750          | 38.200              |
| 12  | 040170 | NGUYỄN HỮU KHANG        | 24/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.750                 | 7.250   | 7.600     | 13.500          | 38.100              |
| 13  | 030082 | VÕ BẠCH THỦY DƯƠNG      | 08/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 10.000                | 6.000   | 8.000     | 14.000          | 38.000              |
| 14  | 030093 | NGUYỄN TUẤN ĐẠT         | 05/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.500                 | 5.500   | 7.200     | 15.500          | 37.700              |
| 15  | 040403 | TRẦN NGUYỄN PHÚC        | 15/04/2011 | TP. Cần Thơ     | Nam | 9.000                 | 6.750   | 6.600     | 15.250          | 37.600              |
| 16  | 040417 | LÊ ANH QUÂN             | 02/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.050                 | 6.750   | 9.200     | 12.500          | 37.500              |
| 17  | 030008 | PHAN NGỌC XUÂN AN       | 23/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 9.250                 | 8.250   | 7.400     | 12.500          | 37.400              |
| 18  | 040497 | PHẠM NGỌC MINH THƯ      | 28/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 9.250                 | 7.250   | 7.600     | 13.000          | 37.100              |
| 19  | 030474 | TRƯƠNG HUY THÀNH        | 01/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.500                 | 7.000   | 8.400     | 12.000          | 36.900              |
| 20  | 040419 | LÊ MINH QUÂN            | 01/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.050                 | 5.000   | 9.800     | 13.000          | 36.850              |
| 21  | 030142 | NGUYỄN QUANG HUY        | 25/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.250                 | 7.750   | 8.800     | 11.000          | 36.800              |
| 22  | 040471 | PHAN PHƯƠNG HOÀNG THIÊN | 08/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.350                 | 8.000   | 8.400     | 12.000          | 36.750              |
| 23  | 030094 | PHẠM TẤN ĐẠT            | 22/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.250                 | 6.000   | 8.000     | 13.250          | 36.500              |
| 24  | 030577 | TRẦN KHÁNH TƯỜNG        | 08/07/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.250                 | 7.000   | 8.400     | 11.750          | 36.400              |
| 25  | 030583 | NGUYỄN BẢO UYÊN         | 16/04/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 9.500                 | 7.250   | 6.600     | 13.000          | 36.350              |
| 26  | 030225 | TRẦN ĐĂNG KHÔI          | 22/07/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.000                 | 8.000   | 6.800     | 12.500          | 36.300              |
| 27  | 030137 | NGÔ TẤN HUY             | 30/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.500                 | 6.250   | 8.400     | 13.000          | 36.150              |
| 28  | 040414 | HOÀNG MINH QUANG        | 17/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.000                 | 6.000   | 8.400     | 12.750          | 36.150              |

|    |        |                          |            |                 |     |       |       |       |        |        |
|----|--------|--------------------------|------------|-----------------|-----|-------|-------|-------|--------|--------|
| 29 | 040144 | HỒ HÀO HÙNG              | 25/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.800 | 5.250 | 7.800 | 14.250 | 36.100 |
| 30 | 030385 | LÂM HOÀNG NHƯ            | 20/10/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.500 | 6.750 | 7.600 | 12.750 | 35.600 |
| 31 | 040199 | HOÀNG PHAN NHẬT KHÔI     | 23/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.750 | 6.750 | 8.200 | 11.750 | 35.450 |
| 32 | 030326 | NGUYỄN ĐỨC NGHỊ          | 17/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.300 | 6.500 | 8.200 | 12.250 | 35.250 |
| 33 | 040177 | PHẠM VIỆT KHẢI           | 29/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.500 | 7.750 | 6.400 | 12.500 | 35.150 |
| 34 | 030139 | NGUYỄN GIA HUY           | 18/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.050 | 5.250 | 9.600 | 12.250 | 35.150 |
| 35 | 030057 | HUỲNH LÊ TUẤN CÔNG       | 16/05/2011 | Đắk Lắk         | Nam | 8.850 | 7.250 | 8.000 | 11.000 | 35.100 |
| 36 | 040401 | NGUYỄN THIỆU PHÚC        | 07/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.300 | 5.750 | 7.200 | 13.750 | 35.000 |
| 37 | 030287 | PHẠM NHẬT MINH           | 02/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.550 | 7.000 | 9.600 | 10.750 | 34.900 |
| 38 | 040337 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH NGUYỄN | 10/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.750 | 7.250 | 6.200 | 12.500 | 34.700 |
| 39 | 030061 | THÁI NGỌC DIỆP           | 01/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.550 | 7.750 | 7.600 | 10.750 | 34.650 |
| 40 | 040021 | PHẠM NGỌC MINH ANH       | 26/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.000 | 7.500 | 9.400 | 9.750  | 34.650 |
| 41 | 040123 | LÊ TRỌNG HIẾU            | 16/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.000 | 6.000 | 7.400 | 12.250 | 34.650 |
| 42 | 030362 | VÕ THIÊN NHÂN            | 10/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.250 | 6.500 | 7.200 | 11.500 | 34.450 |
| 43 | 040311 | NGUYỄN TRẦN THỰC NGHI    | 08/10/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.750 | 5.000 | 7.400 | 13.250 | 34.400 |
| 44 | 040369 | NGUYỄN THỊ THANH NHIỆM   | 01/02/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 9.000 | 7.500 | 5.400 | 12.500 | 34.400 |
| 45 | 030233 | HOÀNG ANH KIẾT           | 22/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000 | 7.250 | 5.800 | 13.250 | 34.300 |
| 46 | 030204 | LÊ QUỐC KHIÊM            | 19/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.250 | 4.000 | 8.800 | 13.250 | 34.300 |
| 47 | 040518 | HUỲNH MINH TIẾN          | 12/05/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 9.000 | 7.000 | 7.000 | 11.250 | 34.250 |
| 48 | 030100 | NGUYỄN CÔNG ĐIỀN         | 03/11/2011 | TP. Huế         | Nam | 8.500 | 6.500 | 8.000 | 11.250 | 34.250 |
| 49 | 030285 | NGUYỄN THỊ BÌNH MINH     | 01/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.500 | 7.250 | 6.400 | 12.000 | 34.150 |
| 50 | 040034 | NGUYỄN XUÂN BÁCH         | 25/10/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 7.550 | 8.500 | 7.800 | 10.250 | 34.100 |
| 51 | 030111 | PHÙNG NGỌC NGÂN HÀ       | 01/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.300 | 6.750 | 6.000 | 14.000 | 34.050 |
| 52 | 040609 | VƯƠNG HOÀNG YẾN          | 07/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 9.000 | 6.250 | 6.800 | 12.000 | 34.050 |
| 53 | 030325 | NGUYỄN TUẤN NGHĨA        | 07/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.550 | 6.000 | 6.200 | 13.250 | 34.000 |
| 54 | 030451 | MAI NGỌC PHƯƠNG QUÝ      | 11/07/2011 | Thanh Hóa       | Nữ  | 8.000 | 6.250 | 7.000 | 12.750 | 34.000 |
| 55 | 040372 | LÊ TRẦN QUỲNH NHƯ        | 09/10/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.750 | 7.000 | 6.000 | 12.000 | 33.750 |
| 56 | 030210 | HỒ VIỆT KHOA             | 15/07/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 8.550 | 7.000 | 8.200 | 10.000 | 33.750 |
| 57 | 040269 | MAI SỸ VĂN MINH          | 20/10/2010 | Lâm Đồng        | Nam | 8.250 | 6.000 | 7.600 | 11.750 | 33.600 |
| 58 | 030426 | NGUYỄN VIỆT QUANG        | 14/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.000 | 6.750 | 5.800 | 12.000 | 33.550 |
| 59 | 030552 | PHẠM NHẬT TRUNG          | 12/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.750 | 6.750 | 5.600 | 12.000 | 33.100 |
| 60 | 040446 | TRẦN PHƯỚC TẤN           | 11/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000 | 7.500 | 6.000 | 11.500 | 33.000 |
| 61 | 040398 | ĐẶNG MINH PHÚC           | 30/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.000 | 7.000 | 5.400 | 11.500 | 32.900 |
| 62 | 030158 | NGUYỄN HUỲNH QUỐC HÙNG   | 15/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.500 | 8.750 | 5.600 | 10.000 | 32.850 |
| 63 | 030459 | VÕ MINH BẢO SƠN          | 11/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.350 | 7.000 | 7.200 | 10.250 | 32.800 |
| 64 | 030521 | TRẦN TIẾN                | 27/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.250 | 6.750 | 8.000 | 10.750 | 32.750 |
| 65 | 030066 | NGUYỄN VŨ DUY            | 02/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.550 | 6.750 | 7.200 | 11.250 | 32.750 |
| 66 | 040493 | LÊ PHẠM AN THU           | 05/11/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.250 | 7.750 | 5.600 | 11.000 | 32.600 |
| 67 | 030296 | LÊ QUỐC NAM              | 03/05/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 7.100 | 7.500 | 9.400 | 8.500  | 32.500 |
| 68 | 040459 | ĐỖ NGỌC THÀNH            | 21/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750 | 6.750 | 6.200 | 11.750 | 32.450 |
| 69 | 030456 | ĐẶNG VĂN SƠN             | 15/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.250 | 5.500 | 6.200 | 12.500 | 32.450 |
| 70 | 030097 | TRẦN VINH ĐẠT            | 05/12/2011 | Khánh Hòa       | Nam | 8.050 | 6.750 | 6.800 | 10.750 | 32.350 |

## 2. Lớp chuyên Vật lí

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | GT  | Điểm môn không chuyên |         |           | Điểm môn chuyên | Tổng điểm 4 môn thi |
|-----|--------|-------------------------|------------|-----------------|-----|-----------------------|---------|-----------|-----------------|---------------------|
|     |        |                         |            |                 |     | Toán                  | Ngữ văn | Tiếng Anh |                 |                     |
| 1   | 030174 | NGÔ PHẠM HOÀNG KHANG    | 16/11/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 7.850                 | 7.000   | 9.200     | 18.500          | 42.550              |
| 2   | 030403 | NINH THANH PHONG        | 04/12/2011 | Ninh Bình       | Nam | 9.250                 | 6.500   | 8.200     | 16.000          | 39.950              |
| 3   | 030548 | TRẦN TRỌNG TRÍ          | 14/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.750                 | 6.500   | 6.800     | 15.000          | 37.050              |
| 4   | 030464 | NGUYỄN LÊ PHÚC TÂN      | 10/06/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 7.800                 | 7.000   | 8.800     | 12.500          | 36.100              |
| 5   | 030171 | LÝ NGUYỄN KHANG         | 03/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.750                 | 6.000   | 7.600     | 13.250          | 35.600              |
| 6   | 030413 | VÕ NGỌC THIÊN PHÚC      | 14/07/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000                 | 8.250   | 6.000     | 13.250          | 35.500              |
| 7   | 030215 | TRẦN ĐĂNG KHOA          | 06/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.500                 | 5.750   | 7.800     | 12.750          | 34.800              |
| 8   | 030490 | TRẦN HUỖNH GIA THỊNH    | 01/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.300                 | 7.250   | 7.600     | 11.000          | 34.150              |
| 9   | 030588 | TRƯƠNG NHÃ UYÊN         | 03/10/2011 | Khánh Hòa       | Nữ  | 8.250                 | 6.500   | 7.800     | 11.000          | 33.550              |
| 10  | 030345 | NGUYỄN VÕ KHÔI NGUYỄN   | 20/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.050                 | 6.500   | 7.600     | 11.000          | 33.150              |
| 11  | 030229 | LÊ KIẾN                 | 18/07/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000                 | 6.750   | 8.000     | 10.000          | 32.750              |
| 12  | 030177 | NGUYỄN HỮU NGUYỄN KHANG | 13/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.500                 | 5.000   | 6.200     | 13.750          | 32.450              |
| 13  | 040252 | NGUYỄN VÕ HOÀNG LONG    | 03/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.550                 | 7.000   | 6.600     | 11.250          | 32.400              |
| 14  | 040415 | VÕ NGUYỄN QUANG         | 29/07/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 7.300                 | 6.500   | 4.600     | 14.000          | 32.400              |
| 15  | 040467 | PHAN HOÀNG THẮNG        | 22/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.500                 | 5.500   | 6.800     | 12.500          | 32.300              |
| 16  | 040409 | NGUYỄN TRẦN MAI PHƯƠNG  | 27/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.550                 | 7.500   | 6.200     | 9.750           | 32.000              |
| 17  | 040088 | HUỖNH MINH HÀO          | 28/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.250                 | 6.000   | 7.200     | 11.500          | 31.950              |
| 18  | 030221 | MẠC NGUYỄN KHÔI         | 04/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750                 | 6.000   | 7.400     | 10.750          | 31.900              |
| 19  | 040512 | NGUYỄN VIỆT AN THY      | 03/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.850                 | 7.750   | 5.800     | 10.500          | 31.900              |
| 20  | 030124 | TRẦN HỮU HIẾU           | 13/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.050                 | 7.000   | 4.000     | 12.750          | 31.800              |
| 21  | 030186 | VÕ GIA KHANG            | 15/05/2011 | Khánh Hòa       | Nam | 8.250                 | 5.750   | 7.800     | 9.750           | 31.550              |
| 22  | 030017 | HOÀNG ĐÌNH MINH ANH     | 16/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.000                 | 5.000   | 6.400     | 12.000          | 31.400              |
| 23  | 040121 | LÊ ĐĂNG MỸ HIẾU         | 31/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.550                 | 6.750   | 7.200     | 8.750           | 31.250              |
| 24  | 030337 | TRẦN HUỖNH KHÁNH NGỌC   | 06/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.550                 | 7.500   | 6.000     | 9.000           | 31.050              |
| 25  | 030099 | NGUYỄN MINH ĐĂNG        | 08/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.300                 | 6.000   | 7.200     | 11.500          | 31.000              |
| 26  | 040292 | VŨ XUÂN NAM             | 15/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 5.800                 | 6.750   | 5.400     | 12.250          | 30.200              |
| 27  | 040332 | NGUYỄN HẢI NGUYỄN       | 24/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.550                 | 6.500   | 7.800     | 9.250           | 30.100              |
| 28  | 040147 | TRÌNH LÂM HÙNG          | 18/09/2011 | Khánh Hòa       | Nam | 7.500                 | 6.250   | 6.600     | 9.750           | 30.100              |
| 29  | 040286 | NGÔ SƠN NAM             | 18/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.750                 | 6.500   | 5.800     | 10.500          | 29.550              |
| 30  | 030597 | TRẦN LÊ NGUYỄN VŨ       | 24/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750                 | 7.000   | 5.000     | 9.750           | 29.500              |
| 31  | 030509 | NGUYỄN NGỌC ANH THƯ     | 14/06/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.300                 | 6.250   | 5.400     | 10.500          | 29.450              |
| 32  | 030281 | NGUYỄN BẢO MINH         | 09/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.100                 | 5.500   | 8.600     | 8.250           | 29.450              |
| 33  | 030155 | NGUYỄN VĂN QUỐC HÙNG    | 05/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.600                 | 6.000   | 6.400     | 10.250          | 29.250              |
| 34  | 040304 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NGÂN | 22/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.500                 | 6.500   | 5.800     | 9.250           | 29.050              |
| 35  | 040582 | HOÀNG VŨ                | 02/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.600                 | 4.500   | 5.400     | 11.500          | 29.000              |

### 3. Lớp chuyên Hóa học

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | GT  | Điểm môn không chuyên |         |           | Điểm môn chuyên | Tổng điểm 4 môn thi |
|-----|--------|-------------------------|------------|-----------------|-----|-----------------------|---------|-----------|-----------------|---------------------|
|     |        |                         |            |                 |     | Toán                  | Ngữ văn | Tiếng Anh |                 |                     |
| 1   | 030483 | VÕ ĐỖ NHẬT THIÊN        | 06/04/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 8.800                 | 8.000   | 8.600     | 18.750          | 44.150              |
| 2   | 030020 | LÊ QUỲNH ANH            | 13/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.750                 | 7.750   | 8.400     | 17.500          | 42.400              |
| 3   | 030247 | NGUYỄN HOÀNG LÂM        | 11/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.500                 | 6.500   | 8.200     | 18.500          | 41.700              |
| 4   | 030134 | NGUYỄN MINH HÒA         | 26/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.000                 | 8.250   | 8.600     | 15.000          | 40.850              |
| 5   | 030594 | NGUYỄN PHƯƠNG VIỆT      | 24/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.550                 | 7.000   | 8.200     | 17.000          | 40.750              |
| 6   | 030040 | NGUYỄN GIA BẢO          | 01/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.500                 | 7.000   | 8.600     | 17.500          | 40.600              |
| 7   | 030465 | NGUYỄN MINH TÂN         | 21/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.300                 | 6.500   | 7.600     | 17.500          | 39.900              |
| 8   | 040150 | NGUYỄN VĂN HÙNG         | 09/07/2011 | Nghệ An         | Nam | 8.050                 | 7.250   | 7.400     | 16.750          | 39.450              |
| 9   | 030363 | NGUYỄN QUANG NHẬT       | 14/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750                 | 6.750   | 8.200     | 16.000          | 38.700              |
| 10  | 030150 | THÁI LÊ THƯỜNG HUYỀN    | 01/01/2011 | Nghệ An         | Nữ  | 8.100                 | 8.500   | 8.200     | 13.750          | 38.550              |
| 11  | 030183 | TRẦN NGÔ BẢO KHANG      | 13/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.600                 | 5.750   | 8.000     | 16.750          | 38.100              |
| 12  | 030455 | LÊ KHÁ SÁNG             | 28/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.250                 | 7.750   | 9.600     | 12.250          | 37.850              |
| 13  | 030360 | NGUYỄN THIÊN NHÂN       | 02/07/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.800                 | 6.250   | 6.400     | 16.000          | 37.450              |
| 14  | 030425 | CHÂU NGỌC HOÀNG PHƯỚC   | 10/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.500                 | 7.500   | 5.600     | 16.750          | 37.350              |
| 15  | 030584 | NGUYỄN NGỌC NHẢ UYÊN    | 23/11/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.350                 | 6.750   | 8.000     | 14.750          | 36.850              |
| 16  | 040552 | NGUYỄN VĂN ANH TUẤN     | 19/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.250                 | 7.750   | 6.800     | 14.000          | 36.800              |
| 17  | 030209 | HỒ TUẤN KHOA            | 30/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.800                 | 6.750   | 6.800     | 15.250          | 36.600              |
| 18  | 040333 | NGUYỄN HOA NGUYỄN       | 29/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.750                 | 7.750   | 7.600     | 12.500          | 36.600              |
| 19  | 030270 | TRƯƠNG YẾN LY           | 26/11/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.000                 | 7.750   | 6.800     | 15.000          | 36.550              |
| 20  | 040055 | HUỲNH LÊ NGỌC DIỆP      | 09/09/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 7.500                 | 7.500   | 6.200     | 15.250          | 36.450              |
| 21  | 030355 | LÊ NGUYỄN TRỌNG NHÂN    | 01/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000                 | 6.750   | 9.800     | 11.500          | 36.050              |
| 22  | 030458 | NGUYỄN HUY THANH SƠN    | 15/07/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.300                 | 6.250   | 7.800     | 13.500          | 35.850              |
| 23  | 040172 | NGUYỄN PHẠM TUẤN KHANG  | 24/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000                 | 7.500   | 7.000     | 13.000          | 35.500              |
| 24  | 030467 | NGÔ NGỌC TÂN            | 21/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.500                 | 6.500   | 6.800     | 13.250          | 35.050              |
| 25  | 040148 | ĐỖ TẤN HÙNG             | 19/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.550                 | 6.750   | 7.400     | 13.250          | 34.950              |
| 26  | 030461 | NGUYỄN ĐỨC TÀI          | 03/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.500                 | 7.000   | 7.200     | 13.250          | 34.950              |
| 27  | 030317 | TRẦN PHAN KHÁNH NGÂN    | 30/03/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.800                 | 7.750   | 7.600     | 10.750          | 34.900              |
| 28  | 030505 | NGUYỄN MINH THƯ         | 29/03/2011 | Khánh Hòa       | Nữ  | 7.550                 | 6.500   | 6.200     | 14.500          | 34.750              |
| 29  | 040302 | NGUYỄN HOÀNG NGÂN       | 04/11/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.500                 | 7.500   | 5.800     | 14.750          | 34.550              |
| 30  | 030242 | HUỲNH VŨ KỲ             | 10/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.500                 | 7.500   | 9.000     | 11.500          | 34.500              |
| 31  | 040386 | LÊ TRƯỜNG PHÁT          | 24/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.300                 | 7.750   | 7.200     | 12.000          | 34.250              |
| 32  | 040340 | PHAN HUỲNH THANH NGUYỄN | 16/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.000                 | 9.000   | 7.000     | 9.750           | 33.750              |
| 33  | 040197 | TRẦN MINH KHOA          | 30/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000                 | 6.750   | 7.000     | 11.250          | 33.000              |
| 34  | 040187 | NGUYỄN QUỐC KHÁNH       | 09/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.550                 | 7.500   | 3.400     | 14.500          | 32.950              |
| 35  | 040009 | TRƯƠNG AN AN            | 02/02/2011 | Gia Lai         | Nữ  | 7.250                 | 7.750   | 5.600     | 12.000          | 32.600              |

#### 4. Lớp chuyên Sinh học

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | GT  | Điểm môn không chuyên |         |           | Điểm môn chuyên | Tổng điểm 4 môn thi |
|-----|--------|-------------------------|------------|-----------------|-----|-----------------------|---------|-----------|-----------------|---------------------|
|     |        |                         |            |                 |     | Toán                  | Ngữ văn | Tiếng Anh |                 |                     |
| 1   | 030404 | PHẠM NAM PHONG          | 13/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.800                 | 6.750   | 8.800     | 17.880          | 41.230              |
| 2   | 030239 | NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG KIM  | 04/02/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.500                 | 7.750   | 7.400     | 18.250          | 40.900              |
| 3   | 030424 | TRỊNH CAO KỶ PHƯƠNG     | 09/03/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.000                 | 8.000   | 9.000     | 15.630          | 40.630              |
| 4   | 040543 | LÊ MINH TRÚC            | 17/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.750                 | 7.250   | 7.400     | 17.500          | 39.900              |
| 5   | 030527 | TRẦN HUỖNH PHƯƠNG TRANG | 26/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.250                 | 7.500   | 6.400     | 17.380          | 39.530              |
| 6   | 040226 | LÊ NHÃ KỶ               | 15/02/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.250                 | 7.500   | 7.600     | 17.130          | 39.480              |
| 7   | 040458 | TRẦN THUY LAN THANH     | 08/08/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.250                 | 6.750   | 8.000     | 16.380          | 39.380              |
| 8   | 040370 | LẠI NGUYỄN NHƯ          | 09/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.750                 | 7.250   | 8.600     | 15.750          | 39.350              |
| 9   | 040359 | NGUYỄN NGỌC ÁI NHI      | 13/06/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.300                 | 8.250   | 7.600     | 16.750          | 38.900              |
| 10  | 030147 | VÕ ĐÌNH HUY             | 25/09/2011 | TP. Đồng Nai    | Nam | 8.550                 | 7.250   | 8.200     | 14.880          | 38.880              |
| 11  | 030593 | NGUYỄN ĐOÀN TÂM VIÊN    | 20/03/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.500                 | 7.750   | 8.200     | 15.380          | 38.830              |
| 12  | 040562 | LƯU NHÃ NGỌC UYÊN       | 21/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.550                 | 7.500   | 7.400     | 16.000          | 38.450              |
| 13  | 040575 | ĐOÀN LƯƠNG THỂ VINH     | 18/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000                 | 5.750   | 7.400     | 16.750          | 37.900              |
| 14  | 030596 | BUI TẤN VINH            | 03/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.500                 | 6.750   | 8.400     | 15.000          | 37.650              |
| 15  | 040232 | NGUYỄN TRƯỞNG XUÂN LAM  | 05/02/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 7.300                 | 8.750   | 6.000     | 15.250          | 37.300              |
| 16  | 040097 | NGUYỄN LAM HẠNH         | 09/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.500                 | 6.500   | 7.600     | 15.500          | 37.100              |
| 17  | 040257 | ĐẶNG MINH LƯU           | 30/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.800                 | 5.000   | 6.600     | 18.130          | 36.530              |
| 18  | 040039 | HÒA THỊ BẢO CHÂU        | 06/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.000                 | 7.500   | 7.800     | 14.000          | 36.300              |
| 19  | 030304 | LƯƠNG HOÀNG NGA         | 16/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.750                 | 7.500   | 7.000     | 13.630          | 35.880              |
| 20  | 040308 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN     | 04/06/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.600                 | 7.000   | 6.000     | 15.250          | 35.850              |
| 21  | 030567 | NGUYỄN PHAN THANH TUYỀN | 08/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.150                 | 7.500   | 8.600     | 13.500          | 35.750              |
| 22  | 030573 | BUI NGỌC CÁT TƯỜNG      | 06/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.550                 | 7.250   | 6.400     | 15.250          | 35.450              |
| 23  | 040019 | NGUYỄN NGÔ TƯỜNG ANH    | 05/02/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.800                 | 5.500   | 6.400     | 16.750          | 35.450              |
| 24  | 030466 | NGUYỄN PHẠM NHẬT TẤN    | 12/07/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.500                 | 6.000   | 4.600     | 17.250          | 35.350              |
| 25  | 030121 | TRẦN GIA HÂN            | 18/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.750                 | 5.500   | 6.800     | 15.130          | 35.180              |
| 26  | 030475 | DƯƠNG THỊ THU THẢO      | 29/10/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.050                 | 8.000   | 5.200     | 14.500          | 34.750              |
| 27  | 030595 | BUI LÊ CÔNG VINH        | 24/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.300                 | 6.750   | 6.600     | 14.000          | 34.650              |
| 28  | 040247 | PHẠM GIA LINH           | 24/12/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 8.100                 | 6.500   | 4.000     | 16.000          | 34.600              |
| 29  | 040096 | CHÚC MỸ HẠNH            | 12/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.500                 | 6.500   | 6.800     | 14.630          | 34.430              |
| 30  | 040362 | PHẠM VŨ HẢI NHI         | 18/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.250                 | 7.000   | 5.200     | 15.750          | 34.200              |
| 31  | 040127 | VÕ ĐỨC HIẾU             | 09/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.350                 | 7.000   | 5.600     | 14.250          | 34.200              |
| 32  | 030478 | NGUYỄN PHƯƠNG DIỆU THẢO | 24/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.550                 | 6.500   | 7.600     | 13.000          | 33.650              |
| 33  | 030254 | PHẠM NGỌC THUY LINH     | 02/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.550                 | 6.000   | 5.800     | 14.130          | 33.480              |
| 34  | 030018 | LÊ CHÍ ANH              | 26/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 4.850                 | 6.250   | 9.200     | 12.880          | 33.180              |
| 35  | 030085 | LƯU DIỆP UYÊN ĐAN       | 05/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.550                 | 6.500   | 5.400     | 13.630          | 33.080              |

## 5. Lớp chuyên Tiếng Anh

| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh        | GT  | Điểm môn không chuyên |         |           | Điểm môn chuyên | Tổng điểm 4 môn thi |
|-----|--------|------------------------|------------|-----------------|-----|-----------------------|---------|-----------|-----------------|---------------------|
|     |        |                        |            |                 |     | Toán                  | Ngữ văn | Tiếng Anh |                 |                     |
| 1   | 030056 | VÕ LÊ XUYẾN CHI        | 18/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.600                 | 8.750   | 9.400     | 17.100          | 42.850              |
| 2   | 040078 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ĐỒNG | 16/02/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.750                 | 7.750   | 9.800     | 17.200          | 42.500              |
| 3   | 030450 | TRẦN NHƯ QUỲNH         | 23/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.500                 | 8.250   | 9.400     | 16.300          | 42.450              |
| 4   | 040287 | NGUYỄN NHẬT BẢO NAM    | 30/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.300                 | 7.500   | 10.000    | 17.200          | 42.000              |
| 5   | 030268 | HUỲNH ĐĂNG MAI LY      | 02/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.300                 | 7.500   | 9.000     | 17.000          | 41.800              |
| 6   | 030414 | CHÂU NGỌC KIM PHỤNG    | 05/04/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 7.600                 | 8.250   | 9.400     | 16.300          | 41.550              |
| 7   | 040040 | LÊ HOÀNG BẢO CHÂU      | 29/06/2011 | Gia Lai         | Nữ  | 7.550                 | 8.000   | 9.600     | 16.400          | 41.550              |
| 8   | 030299 | NGUYỄN HẢI NAM         | 22/11/2011 | Quảng Ninh      | Nam | 8.250                 | 7.000   | 9.400     | 16.800          | 41.450              |
| 9   | 030074 | ĐỖ ÁNH DƯƠNG           | 16/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.000                 | 8.500   | 9.200     | 15.500          | 41.200              |
| 10  | 030334 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH NGỌC | 13/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 9.250                 | 7.250   | 9.000     | 15.700          | 41.200              |
| 11  | 030011 | PHẠM MAI AN            | 17/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.500                 | 7.250   | 9.800     | 16.600          | 41.150              |
| 12  | 030203 | LÊ GIA KHIÊM           | 24/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.250                 | 6.750   | 9.400     | 15.500          | 40.900              |
| 13  | 030031 | PHẠM NGỌC HIẾU ANH     | 08/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.350                 | 6.500   | 10.000    | 17.000          | 40.850              |
| 14  | 040254 | HUỲNH NGỌC LỢI         | 05/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.300                 | 7.000   | 9.600     | 16.400          | 40.300              |
| 15  | 030498 | BÙI NGUYỄN QUỲNH THU   | 19/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.750                 | 8.250   | 9.400     | 13.900          | 40.300              |
| 16  | 030244 | NGUYỄN TRÚC LAM        | 13/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.500                 | 8.250   | 9.200     | 15.200          | 40.150              |
| 17  | 030547 | NGUYỄN ĐỨC TRÍ         | 21/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.250                 | 7.500   | 9.600     | 14.400          | 39.750              |
| 18  | 030550 | NGUYỄN THANH TRUNG     | 18/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.500                 | 7.000   | 9.800     | 14.200          | 39.500              |
| 19  | 030367 | ĐINH QUỲNH NHI         | 04/01/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 6.800                 | 6.000   | 9.200     | 16.600          | 38.600              |
| 20  | 030070 | HOÀNG ANH DŨNG         | 20/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.300                 | 8.000   | 9.200     | 13.100          | 38.600              |
| 21  | 040098 | THÁI NGUYỄN HẠNH       | 06/10/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 8.750                 | 6.250   | 9.400     | 14.200          | 38.600              |
| 22  | 040572 | LÊ QUÝ VIỆT            | 23/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.900                 | 6.750   | 9.600     | 15.300          | 38.550              |
| 23  | 030213 | NGUYỄN HỒNG MINH KHOA  | 08/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750                 | 7.250   | 9.600     | 13.800          | 38.400              |
| 24  | 030043 | TRẦN GIA BẢO           | 07/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.000                 | 5.250   | 9.600     | 14.500          | 38.350              |
| 25  | 030261 | LÝ BẢO LONG            | 24/05/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 9.000                 | 5.750   | 9.200     | 14.400          | 38.350              |
| 26  | 040110 | NGUYỄN LƯU GIA HÂN     | 11/11/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.300                 | 7.000   | 9.600     | 14.400          | 38.300              |
| 27  | 030046 | TRẦN GIA BÁCH          | 30/07/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.750                 | 6.250   | 8.800     | 14.200          | 38.000              |
| 28  | 030572 | PHAN THANH TÚ          | 03/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.750                 | 6.750   | 9.200     | 15.200          | 37.900              |
| 29  | 040526 | NGUYỄN LÊ THANH TRÀ    | 14/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.100                 | 8.000   | 8.800     | 13.000          | 37.900              |
| 30  | 030259 | LÊ BẢO HOÀNG LONG      | 10/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.000                 | 7.000   | 9.200     | 12.500          | 37.700              |
| 31  | 040408 | NGUYỄN NGỌC GIA PHƯƠNG | 30/03/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.750                 | 7.000   | 8.800     | 13.900          | 37.450              |
| 32  | 040504 | TRẦN VÕ AN THU         | 03/02/2011 | Gia Lai         | Nữ  | 8.250                 | 7.000   | 9.400     | 12.700          | 37.350              |
| 33  | 040468 | ĐẶNG TRẦN HẠO THIÊN    | 26/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.300                 | 5.500   | 9.400     | 14.100          | 37.300              |
| 34  | 030428 | NGÔ BẢO QUÂN           | 18/09/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 8.750                 | 6.500   | 8.600     | 13.200          | 37.050              |
| 35  | 040158 | ĐẶNG LÊ KHANG          | 07/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.100                 | 6.250   | 9.200     | 15.500          | 37.050              |
| 36  | 040079 | LÊ ANH ĐỨC             | 25/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.300                 | 7.500   | 9.600     | 13.600          | 37.000              |
| 37  | 040043 | NGUYỄN LÊ KHÁNH CHI    | 16/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.800                 | 8.000   | 9.800     | 11.300          | 36.900              |
| 38  | 040521 | LÊ KHÁNH TOÀN          | 09/09/2011 | Khánh Hòa       | Nam | 7.000                 | 6.500   | 9.400     | 13.900          | 36.800              |



|    |        |                         |            |                 |     |       |       |       |        |        |
|----|--------|-------------------------|------------|-----------------|-----|-------|-------|-------|--------|--------|
| 39 | 030007 | NGUYỄN TRẦN HẢI AN      | 01/11/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.250 | 6.000 | 8.600 | 14.800 | 36.650 |
| 40 | 040284 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG MỸ   | 15/11/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.000 | 5.750 | 9.800 | 14.000 | 36.550 |
| 41 | 040490 | ĐOÀN NGUYỄN ANH THU     | 15/10/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.750 | 6.750 | 9.400 | 13.500 | 36.400 |
| 42 | 040261 | NGUYỄN PHƯƠNG THANH MAI | 09/06/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.800 | 8.500 | 8.800 | 11.200 | 36.300 |
| 43 | 030105 | ĐẶNG MINH HÀ            | 01/04/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 5.800 | 6.750 | 9.000 | 14.700 | 36.250 |
| 44 | 030405 | BUI ĐẠI PHÚ             | 19/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750 | 5.500 | 8.800 | 14.200 | 36.250 |
| 45 | 030161 | KHÚC ĐIỀU HƯƠNG         | 10/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.000 | 9.000 | 8.800 | 10.400 | 36.200 |
| 46 | 040556 | LÊ MINH KHUÊ TÚ         | 07/08/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.000 | 6.250 | 9.800 | 13.000 | 36.050 |
| 47 | 040162 | LẠI GIA KHANG           | 17/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.000 | 6.000 | 9.200 | 14.800 | 36.000 |
| 48 | 030471 | NGUYỄN HUY THÀNH        | 26/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750 | 7.000 | 9.200 | 11.700 | 35.650 |
| 49 | 030613 | NGUYỄN PHAN GIA YÊN     | 23/02/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.250 | 6.250 | 8.800 | 12.200 | 35.500 |
| 50 | 030472 | NGUYỄN MINH THÀNH       | 27/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.800 | 5.500 | 9.600 | 13.600 | 35.500 |
| 51 | 040029 | PHẠM HOÀNG GIA BẢO      | 01/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.800 | 6.500 | 9.400 | 11.800 | 35.500 |
| 52 | 040601 | ĐẶNG MINH XEN           | 03/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.300 | 6.250 | 9.400 | 12.400 | 35.350 |
| 53 | 040580 | TIÊU QUANG VINH         | 31/12/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000 | 4.750 | 9.400 | 13.200 | 35.350 |
| 54 | 040313 | TRÁC LƯU NGHI           | 19/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.800 | 7.750 | 8.200 | 11.600 | 35.350 |
| 55 | 040089 | LÊ NHẬT HẢO             | 31/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.750 | 6.000 | 9.000 | 13.100 | 34.850 |
| 56 | 040052 | TRẦN TÂN DANH           | 21/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 5.100 | 5.750 | 9.000 | 15.000 | 34.850 |
| 57 | 040159 | ĐỖ NHẬT KHANG           | 12/03/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.150 | 6.000 | 9.200 | 13.500 | 34.850 |
| 58 | 040272 | NGUYỄN TRƯỞNG ANH MINH  | 03/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.100 | 4.750 | 9.400 | 14.500 | 34.750 |
| 59 | 040402 | PHAN NGUYỄN HOÀNG PHÚC  | 01/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.750 | 6.250 | 9.000 | 12.500 | 34.500 |
| 60 | 040425 | CHÂU THUYỀN QUY         | 22/08/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 6.300 | 5.500 | 9.800 | 12.900 | 34.500 |
| 61 | 030194 | NGUYỄN GIA KHÁNH        | 12/08/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 8.000 | 5.750 | 8.400 | 12.250 | 34.400 |
| 62 | 030157 | LƯU GIA HÙNG            | 12/09/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 9.000 | 7.500 | 8.200 | 9.700  | 34.400 |
| 63 | 030495 | NGUYỄN LÊ NGỌC THÚY     | 12/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.750 | 7.500 | 8.200 | 11.900 | 34.350 |
| 64 | 040321 | NGUYỄN TUỜNG CÁT NGỌC   | 07/04/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 6.800 | 8.500 | 8.400 | 10.600 | 34.300 |
| 65 | 040267 | LÊ THANH MINH           | 22/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.250 | 6.250 | 7.800 | 11.800 | 34.100 |
| 66 | 030116 | BUI TRẦN BẢO HÂN        | 27/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.350 | 6.250 | 8.200 | 13.200 | 34.000 |
| 67 | 030582 | LÊ NGUYỄN THỰC UYÊN     | 16/03/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 7.500 | 6.500 | 8.600 | 11.350 | 33.950 |
| 68 | 040367 | NGUYỄN HẠO NHIÊN        | 11/11/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 8.100 | 7.250 | 8.800 | 9.800  | 33.950 |
| 69 | 030341 | NGUYỄN GIA NGUYỄN       | 16/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.250 | 6.500 | 9.200 | 11.000 | 33.950 |
| 70 | 040183 | LƯU GIA KHÁNH           | 16/09/2011 | Đồng Tháp       | Nam | 8.050 | 6.500 | 9.200 | 10.200 | 33.950 |

## 6. Lớp chuyên Ngữ văn

| STT | SBD    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh | GT  | Điểm môn không chuyên |         |           | Điểm môn chuyên | Tổng điểm 4 môn thi |
|-----|--------|-----------------------|------------|----------|-----|-----------------------|---------|-----------|-----------------|---------------------|
|     |        |                       |            |          |     | Toán                  | Ngữ văn | Tiếng Anh |                 |                     |
| 1   | 040036 | LÊ QUẾ BÌNH           | 28/07/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 8.250                 | 8.750   | 8.400     | 15.500          | 40.900              |
| 2   | 040283 | TRỊNH NGỌC HÀ MY      | 19/10/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 7.800                 | 8.500   | 7.600     | 13.500          | 37.400              |
| 3   | 030230 | NGUYỄN MINH KIẾN      | 03/12/2011 | Lâm Đồng | Nam | 9.000                 | 8.250   | 6.800     | 13.000          | 37.050              |
| 4   | 030390 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ | 31/03/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 8.050                 | 7.250   | 8.600     | 12.750          | 36.650              |
| 5   | 030394 | VÕ NGỌC BẢO NHƯ       | 22/08/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 8.750                 | 8.250   | 8.400     | 11.080          | 36.480              |

|    |        |                        |            |                 |     |       |       |       |        |        |
|----|--------|------------------------|------------|-----------------|-----|-------|-------|-------|--------|--------|
| 6  | 040116 | UNG NGOC GIA HÂN       | 16/03/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.300 | 7.500 | 6.400 | 14.250 | 36.450 |
| 7  | 030102 | HUYNH NGÂN GIANG       | 15/05/2011 | TP. Đà Nẵng     | Nữ  | 8.050 | 6.750 | 7.200 | 14.250 | 36.250 |
| 8  | 030080 | PHAN MAI THỦY DƯƠNG    | 01/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.250 | 8.500 | 6.000 | 14.250 | 36.000 |
| 9  | 030310 | NGUYỄN HOÀNG BẢO NGÂN  | 01/08/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.050 | 8.500 | 8.200 | 10.500 | 35.250 |
| 10 | 030032 | TIÊU NGUYỄN MINH ANH   | 08/08/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 8.250 | 8.750 | 8.200 | 9.250  | 34.450 |
| 11 | 030508 | NGUYỄN MINH THƯ        | 05/10/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.800 | 7.500 | 6.400 | 12.750 | 34.450 |
| 12 | 030053 | PHẠM HOÀNG BẢO CHÂU    | 18/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.350 | 8.250 | 5.800 | 14.000 | 34.400 |
| 13 | 030530 | HUYNH THỊ NGỌC TRÂM    | 09/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.650 | 7.250 | 6.800 | 12.250 | 33.950 |
| 14 | 040499 | PHẠM NGỌC MINH THƯ     | 15/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.500 | 7.250 | 6.400 | 11.750 | 33.900 |
| 15 | 040610 | HOÀNG LƯƠNG NHƯ Ý      | 02/06/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.500 | 7.500 | 8.200 | 11.500 | 33.700 |
| 16 | 030581 | LÊ NGỌC NHƯ UYÊN       | 27/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.600 | 7.000 | 7.800 | 12.250 | 33.650 |
| 17 | 040005 | NGUYỄN NGỌC BẢO AN     | 21/10/2011 | TP. Hà Nội      | Nữ  | 6.250 | 7.250 | 6.600 | 13.500 | 33.600 |
| 18 | 040223 | NGUYỄN TRẦN HOÀNG KIM  | 14/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.350 | 8.000 | 6.200 | 12.000 | 33.550 |
| 19 | 040412 | LÊ UYÊN HẠNH PHƯỚC     | 08/03/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 5.350 | 7.250 | 9.600 | 11.250 | 33.450 |
| 20 | 030590 | DƯƠNG NGỌC BÍCH VI     | 02/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.100 | 7.750 | 6.800 | 11.750 | 33.400 |
| 21 | 030570 | VÕ NGỌC MINH TUYỀN     | 30/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.250 | 7.000 | 5.600 | 13.500 | 33.350 |
| 22 | 040438 | NGUYỄN THANH QUÝ       | 07/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.050 | 6.500 | 6.000 | 13.750 | 33.300 |
| 23 | 040117 | VÕ NGUYỄN GIA HÂN      | 29/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.550 | 6.750 | 8.000 | 11.000 | 33.300 |
| 24 | 030245 | LÊ DUY LÂM             | 10/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.300 | 7.750 | 6.200 | 12.000 | 33.250 |
| 25 | 040507 | ĐÀO XUÂN KHÁNH THY     | 04/10/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.500 | 8.000 | 7.600 | 9.000  | 33.100 |
| 26 | 040466 | NGUYỄN TOÀN THẮNG      | 10/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 5.250 | 7.750 | 6.200 | 13.750 | 32.950 |
| 27 | 030538 | NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN   | 30/09/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 6.050 | 7.750 | 6.200 | 12.750 | 32.750 |
| 28 | 040303 | NGUYỄN NGỌC BẢO NGÂN   | 13/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.600 | 7.750 | 5.000 | 13.250 | 32.600 |
| 29 | 030439 | NGUYỄN LÊ HOÀNG QUYÊN  | 13/11/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.300 | 7.250 | 5.800 | 13.250 | 32.600 |
| 30 | 030388 | NGUYỄN KHÁNH NHƯ       | 30/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.300 | 7.500 | 6.800 | 12.000 | 32.600 |
| 31 | 030250 | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN    | 30/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.500 | 8.000 | 4.800 | 11.250 | 32.550 |
| 32 | 040268 | LƯƠNG LÊ KHÁNH MINH    | 08/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.150 | 8.500 | 4.400 | 13.500 | 32.550 |
| 33 | 040042 | HỒ NGUYỄN DIỆP CHI     | 25/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.300 | 8.000 | 5.600 | 11.500 | 32.400 |
| 34 | 030544 | NGUYỄN NGỌC MINH TRIẾT | 08/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.800 | 7.500 | 7.000 | 11.000 | 32.300 |
| 35 | 040404 | TRẦN THIÊN PHÚC        | 08/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.100 | 7.000 | 8.400 | 9.750  | 32.250 |

## 7. Lớp chuyên Tin học

| STT | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh        | GT  | Điểm môn không chuyên |         |           | Điểm môn chuyên | Tổng điểm 4 môn thi |
|-----|--------|----------------------|------------|-----------------|-----|-----------------------|---------|-----------|-----------------|---------------------|
|     |        |                      |            |                 |     | Toán                  | Ngữ văn | Tiếng Anh |                 |                     |
| 1   | 030090 | NGUYỄN MINH ĐẠT      | 11/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.250                 | 8.750   | 8.800     | 19.500          | 46.300              |
| 2   | 030006 | NGUYỄN PHAN KHÁNH AN | 25/07/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 8.300                 | 6.750   | 10.000    | 19.500          | 44.550              |
| 3   | 030431 | PHAN LÂM QUÂN        | 20/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.500                 | 8.000   | 7.800     | 18.750          | 43.050              |
| 4   | 040023 | TRẦN THỊ MINH ANH    | 20/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.500                 | 7.500   | 9.200     | 16.500          | 41.700              |
| 5   | 040423 | NGUYỄN MINH QUÂN     | 17/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750                 | 6.500   | 8.000     | 18.250          | 40.500              |
| 6   | 030484 | BÙI NGỌC THIÊN       | 22/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.350                 | 7.500   | 8.200     | 16.500          | 39.550              |
| 7   | 040173 | NGUYỄN TRỌNG KHANG   | 08/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.800                 | 7.750   | 6.600     | 18.000          | 39.150              |

|    |        |                        |            |                 |     |       |       |       |        |        |
|----|--------|------------------------|------------|-----------------|-----|-------|-------|-------|--------|--------|
| 8  | 040213 | LÊ NGỌC THANH KHUYẾN   | 06/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.050 | 8.000 | 7.000 | 15.000 | 38.050 |
| 9  | 040395 | NGUYỄN VŨ TUỜNG PHONG  | 28/06/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 8.300 | 5.750 | 8.600 | 14.750 | 37.400 |
| 10 | 040057 | LÊ THANH DINH          | 01/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.300 | 7.250 | 9.000 | 13.500 | 37.050 |
| 11 | 040602 | NGUYỄN PHẠM BẢO XUÂN   | 07/04/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 6.600 | 6.500 | 6.600 | 17.000 | 36.700 |
| 12 | 030523 | TRẦN VIỆT TÍN          | 21/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 5.850 | 6.500 | 7.000 | 17.000 | 36.350 |
| 13 | 030123 | NGUYỄN CÔNG HIẾU       | 18/04/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750 | 5.250 | 7.800 | 15.500 | 36.300 |
| 14 | 040155 | PHẠM ĐÌNH KHA          | 20/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.750 | 6.500 | 6.000 | 15.000 | 36.250 |
| 15 | 030237 | VÕ HUỲNH TUẤN KIẾT     | 26/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.800 | 5.500 | 8.400 | 14.500 | 36.200 |
| 16 | 040167 | NGUYỄN GIA KHANG       | 26/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.300 | 6.500 | 6.400 | 16.000 | 36.200 |
| 17 | 030282 | NGUYỄN HUỲNH NHẬT MINH | 19/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.750 | 7.250 | 5.600 | 14.500 | 36.100 |
| 18 | 040065 | PHẠM TRUNG DŨNG        | 12/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.000 | 7.250 | 6.600 | 14.000 | 35.850 |
| 19 | 030300 | NGUYỄN HUỲNH TẤN NAM   | 15/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.800 | 7.000 | 7.000 | 14.000 | 35.800 |
| 20 | 030274 | NGUYỄN PHƯƠNG MAI      | 07/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.500 | 5.500 | 6.800 | 16.000 | 35.800 |
| 21 | 030231 | NGUYỄN TRUNG KIÊN      | 28/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.750 | 6.750 | 6.800 | 15.500 | 35.800 |
| 22 | 030359 | NGUYỄN THÀNH NHẬN      | 24/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.300 | 4.500 | 5.600 | 18.250 | 35.650 |
| 23 | 040160 | HỒ HOÀNG GIA KHANG     | 23/11/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.600 | 6.250 | 6.600 | 15.000 | 35.450 |
| 24 | 040135 | NGUYỄN GIA HUY         | 23/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 9.250 | 6.500 | 5.600 | 13.500 | 34.850 |
| 25 | 040041 | NGUYỄN THÀNH CHÂU      | 08/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.750 | 5.500 | 6.000 | 15.500 | 34.750 |
| 26 | 040418 | LÊ DOÃN QUÂN           | 11/07/2011 | Nghệ An         | Nam | 7.300 | 7.250 | 5.600 | 14.500 | 34.650 |
| 27 | 040411 | ĐÀM QUANG PHƯỚC        | 09/06/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.050 | 5.250 | 6.200 | 15.000 | 34.500 |
| 28 | 040476 | VÕ KHÔNG NGỌC THIÊN    | 27/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 5.550 | 6.250 | 7.600 | 15.000 | 34.400 |
| 29 | 040074 | NGUYỄN VĨNH ĐẠT        | 10/09/2011 | Khánh Hòa       | Nam | 7.500 | 6.750 | 5.600 | 14.500 | 34.350 |
| 30 | 030228 | ĐỖ TRUNG KIÊN          | 28/12/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 7.800 | 7.750 | 4.400 | 14.250 | 34.200 |
| 31 | 040270 | MAI TRƯỜNG MINH        | 20/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.500 | 4.250 | 8.200 | 15.000 | 33.950 |
| 32 | 040182 | LÊ MINH KHÁNH          | 01/01/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nam | 8.250 | 7.250 | 5.600 | 12.000 | 33.100 |
| 33 | 040339 | NGUYỄN NGÔ KỲ NGUYỄN   | 26/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 5.800 | 7.250 | 4.600 | 15.000 | 32.650 |
| 34 | 030219 | HUỲNH ĐĂNG KHÔI        | 05/05/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.350 | 6.000 | 5.200 | 15.000 | 32.550 |
| 35 | 040389 | PHẠM QUANG PHÁT        | 26/08/2011 | Khánh Hòa       | Nam | 7.800 | 5.000 | 6.000 | 13.500 | 32.300 |

## 8. Lớp chuyên Lịch sử

| STT | SBD    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh | GT  | Điểm môn không chuyên |         |           | Điểm môn chuyên | Tổng điểm 4 môn thi |
|-----|--------|------------------------|------------|----------|-----|-----------------------|---------|-----------|-----------------|---------------------|
|     |        |                        |            |          |     | Toán                  | Ngữ văn | Tiếng Anh |                 |                     |
| 1   | 040451 | NGHIÊM LƯƠNG MAI THANH | 20/11/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 7.750                 | 8.250   | 7.600     | 14.000          | 37.600              |
| 2   | 030292 | NGUYỄN HOÀNG HÀ MY     | 27/04/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 7.800                 | 8.000   | 6.200     | 15.000          | 37.000              |
| 3   | 030051 | NGUYỄN HỒ NGỌC CHÂU    | 11/08/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 7.500                 | 7.750   | 7.000     | 14.500          | 36.750              |
| 4   | 040017 | NGUYỄN LÊ ĐỒNG ANH     | 07/04/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 7.500                 | 6.750   | 8.200     | 14.000          | 36.450              |
| 5   | 030181 | TRẦN BẢO KHANG         | 13/09/2011 | Lâm Đồng | Nam | 7.600                 | 6.750   | 5.200     | 15.750          | 35.300              |
| 6   | 040394 | NGUYỄN HOÀI PHONG      | 11/09/2011 | Lâm Đồng | Nam | 7.300                 | 6.500   | 5.600     | 15.750          | 35.150              |
| 7   | 030294 | VƯƠNG KIỀU MY          | 30/09/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 5.600                 | 7.250   | 8.200     | 14.000          | 35.050              |
| 8   | 040263 | LÊ TRẦN HÀ MI          | 12/01/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 5.300                 | 6.500   | 8.200     | 14.250          | 34.250              |
| 9   | 030110 | NGUYỄN THANH HÀ        | 27/12/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 6.750                 | 7.500   | 7.400     | 12.500          | 34.150              |
| 10  | 040241 | NGUYỄN HOÀNG LINH      | 05/09/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 4.950                 | 5.750   | 8.000     | 15.250          | 33.950              |

|    |        |                         |            |                 |     |       |       |       |        |        |
|----|--------|-------------------------|------------|-----------------|-----|-------|-------|-------|--------|--------|
| 11 | 030366 | CHÂU HẠNH NHI           | 14/02/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.300 | 8.000 | 5.600 | 13.000 | 33.900 |
| 12 | 040230 | HUỖNH NGỌC QUỲNH LAM    | 26/08/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.250 | 8.250 | 6.800 | 11.500 | 33.800 |
| 13 | 030302 | PHAN THÀNH NAM          | 18/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 8.550 | 6.500 | 7.600 | 11.000 | 33.650 |
| 14 | 030273 | HUỖNH NỮ NGỌC MAI       | 17/04/2011 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ  | 5.950 | 6.250 | 7.200 | 14.000 | 33.400 |
| 15 | 030246 | NGÔ TÙNG LÂM            | 26/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.500 | 6.750 | 5.600 | 13.250 | 33.100 |
| 16 | 030167 | TRƯƠNG NGUYỄN MINH KHA  | 25/09/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.100 | 7.250 | 5.200 | 14.250 | 32.800 |
| 17 | 040603 | LÊ NGỌC GIA YẾN         | 02/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 4.600 | 6.500 | 7.400 | 14.250 | 32.750 |
| 18 | 040568 | VÕ HUỖNH KHÁNH VÂN      | 05/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.050 | 6.000 | 4.600 | 15.000 | 32.650 |
| 19 | 040514 | NGUYỄN NGỌC ÁNH TIỀN    | 23/04/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.050 | 7.000 | 5.800 | 12.500 | 32.350 |
| 20 | 030079 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH DƯƠNG | 27/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 8.000 | 7.000 | 6.600 | 10.750 | 32.350 |
| 21 | 040175 | TRẦN BẢO KHANG          | 17/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.500 | 6.750 | 4.200 | 14.750 | 32.200 |
| 22 | 030039 | NGUYỄN DUY BẢO          | 01/10/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 6.900 | 6.500 | 7.800 | 11.000 | 32.200 |
| 23 | 030086 | TRẦN NGUYỄN UYÊN ĐAN    | 15/12/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 5.800 | 7.750 | 5.000 | 13.500 | 32.050 |
| 24 | 040555 | TRẦN THANH TÙNG         | 16/02/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 5.900 | 7.000 | 6.200 | 12.750 | 31.850 |
| 25 | 040046 | LÊ MINH BẢO CHUYỀN      | 18/10/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 5.600 | 6.750 | 6.200 | 13.250 | 31.800 |
| 26 | 030566 | NGUYỄN MINH TUẤN        | 01/01/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 7.350 | 5.500 | 8.000 | 10.500 | 31.350 |
| 27 | 040407 | NGUYỄN NGỌC BẢO PHƯƠNG  | 15/06/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 4.350 | 7.500 | 5.200 | 14.000 | 31.050 |
| 28 | 030482 | LÂM PHÚC THIÊN          | 17/08/2011 | Lâm Đồng        | Nam | 5.150 | 6.500 | 5.800 | 13.500 | 30.950 |
| 29 | 040535 | TRẦN NGỌC BẢO TRẦN      | 25/06/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 7.800 | 7.000 | 5.800 | 10.000 | 30.600 |
| 30 | 040406 | LÊ HOÀNG PHƯƠNG         | 15/10/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 4.400 | 8.500 | 7.800 | 9.500  | 30.200 |
| 31 | 030500 | ĐẶNG THỊ ANH THU        | 12/05/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 5.400 | 6.250 | 4.000 | 14.000 | 29.650 |
| 32 | 040001 | HỒ PHƯƠNG AN            | 04/01/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.300 | 5.250 | 7.000 | 11.000 | 29.550 |
| 33 | 040354 | LÊ NGUYỄN TUỆ NHI       | 30/07/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 4.700 | 8.250 | 4.600 | 11.750 | 29.300 |
| 34 | 030480 | TRẦN NGỌC LÊ THI        | 22/02/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 5.700 | 7.250 | 3.800 | 12.500 | 29.250 |
| 35 | 030332 | NGUYỄN HẢI NGỌC         | 18/09/2011 | Lâm Đồng        | Nữ  | 6.550 | 6.250 | 4.800 | 11.500 | 29.100 |

## 9. Lớp chuyên Địa lí

| STT | SBD    | Họ và tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh    | GT  | Điểm môn không chuyên |         |           | Điểm môn chuyên | Tổng điểm 4 môn thi |
|-----|--------|-------------------------|------------|-------------|-----|-----------------------|---------|-----------|-----------------|---------------------|
|     |        |                         |            |             |     | Toán                  | Ngữ văn | Tiếng Anh |                 |                     |
| 1   | 040288 | NGUYỄN VĂN NAM          | 18/01/2011 | Lâm Đồng    | Nam | 9.500                 | 7.000   | 8.600     | 13.750          | 38.850              |
| 2   | 030409 | LÙI GIA PHÚC            | 20/03/2011 | Lâm Đồng    | Nam | 7.800                 | 7.250   | 7.200     | 14.500          | 36.750              |
| 3   | 030045 | LÊ BÁ ĐỖ BÁCH           | 07/11/2011 | Lâm Đồng    | Nam | 6.550                 | 7.750   | 7.200     | 14.500          | 36.000              |
| 4   | 030528 | NGUYỄN NGỌC HƯƠNG TRÀ   | 16/10/2011 | Lâm Đồng    | Nữ  | 8.250                 | 7.000   | 6.400     | 13.500          | 35.150              |
| 5   | 040156 | TRẦN TUẤN KHA           | 30/12/2011 | Lâm Đồng    | Nam | 8.750                 | 7.250   | 4.200     | 14.500          | 34.700              |
| 6   | 040220 | VÕ TUẤN KIẾT            | 19/06/2011 | Lâm Đồng    | Nam | 5.800                 | 8.250   | 7.800     | 11.500          | 33.350              |
| 7   | 030118 | HỒ NGỌC THẢO HÂN        | 24/03/2011 | TP. Đà Nẵng | Nữ  | 7.300                 | 6.250   | 4.400     | 14.500          | 32.450              |
| 8   | 030323 | NGUYỄN MINH NGHĨA       | 20/12/2011 | Lâm Đồng    | Nam | 7.050                 | 5.000   | 7.200     | 13.000          | 32.250              |
| 9   | 040484 | TRẦN NGUYỄN HOÀNG THỊNH | 25/10/2011 | TP. Huế     | Nam | 8.050                 | 6.000   | 6.600     | 11.500          | 32.150              |
| 10  | 030578 | TRẦN NGUYỄN CÁT TƯỜNG   | 06/07/2011 | Lâm Đồng    | Nữ  | 7.500                 | 7.750   | 5.600     | 10.250          | 31.100              |
| 11  | 040422 | NGUYỄN MINH QUÂN        | 30/07/2011 | Lâm Đồng    | Nam | 5.650                 | 6.000   | 6.800     | 12.500          | 30.950              |
| 12  | 040184 | NGUYỄN GIA KHÁNH        | 29/01/2011 | Lâm Đồng    | Nam | 5.900                 | 6.500   | 6.600     | 11.500          | 30.500              |
| 13  | 040328 | LÊ KHÔI NGUYỄN          | 22/02/2011 | Lâm Đồng    | Nam | 6.550                 | 6.750   | 6.600     | 10.500          | 30.400              |

|    |        |                          |            |          |     |       |       |       |        |        |
|----|--------|--------------------------|------------|----------|-----|-------|-------|-------|--------|--------|
| 14 | 030564 | NGUYỄN CAO MINH TUẤN     | 11/10/2011 | Lâm Đồng | Nam | 7.550 | 6.500 | 7.200 | 8.000  | 29.250 |
| 15 | 030445 | LÝ DIỄM QUỲNH            | 27/08/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 5.750 | 7.000 | 6.000 | 10.500 | 29.250 |
| 16 | 040094 | NGÔ HỒNG NHẬT HẠ         | 29/03/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 5.300 | 6.000 | 7.400 | 10.250 | 28.950 |
| 17 | 040597 | TRẦN ĐAN VY              | 25/01/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 5.050 | 6.000 | 6.600 | 10.750 | 28.400 |
| 18 | 030014 | ĐÀO ĐỨC ANH              | 04/01/2011 | Lâm Đồng | Nam | 5.600 | 6.000 | 7.200 | 9.500  | 28.300 |
| 19 | 040130 | VĂN CÔNG HOÀNG           | 09/06/2011 | Lâm Đồng | Nam | 5.450 | 6.750 | 5.600 | 10.500 | 28.300 |
| 20 | 040494 | MAI ANH THU              | 05/08/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 6.100 | 6.250 | 4.600 | 11.250 | 28.200 |
| 21 | 030412 | TRẦN NGÔ GIA PHÚC        | 31/05/2011 | Lâm Đồng | Nam | 7.050 | 7.000 | 5.400 | 8.750  | 28.200 |
| 22 | 040538 | HỒ THÁI TRÍ              | 11/05/2011 | Lâm Đồng | Nam | 7.250 | 6.250 | 6.400 | 8.250  | 28.150 |
| 23 | 030267 | ĐẶNG LÊ THANH LỢI        | 31/10/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 7.300 | 7.500 | 7.000 | 6.250  | 28.050 |
| 24 | 040605 | GIANG THỊ CẨM YẾN        | 24/07/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 5.650 | 6.500 | 5.400 | 10.500 | 28.050 |
| 25 | 030503 | NGUYỄN HOÀNG ANH THU     | 10/04/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 7.350 | 5.250 | 7.200 | 8.250  | 28.050 |
| 26 | 040194 | LÊ ĐĂNG KHOA             | 07/06/2011 | Lâm Đồng | Nam | 5.350 | 6.250 | 7.800 | 7.750  | 27.150 |
| 27 | 040483 | TRẦN LÊ HÙNG THỊNH       | 25/06/2011 | Lâm Đồng | Nam | 7.250 | 5.250 | 7.400 | 7.250  | 27.150 |
| 28 | 030611 | NGUYỄN THÁI Y            | 11/06/2011 | Lâm Đồng | Nam | 5.850 | 6.500 | 6.400 | 8.250  | 27.000 |
| 29 | 040396 | ĐỖ QUỐC THIÊN PHÚ        | 10/04/2011 | Lâm Đồng | Nam | 4.900 | 6.750 | 7.800 | 7.500  | 26.950 |
| 30 | 030223 | NGUYỄN MINH KHÔI         | 13/06/2011 | Lâm Đồng | Nam | 5.150 | 6.500 | 5.800 | 9.500  | 26.950 |
| 31 | 030041 | NGUYỄN GIA BẢO           | 22/07/2011 | Lâm Đồng | Nam | 6.800 | 6.500 | 5.600 | 8.000  | 26.900 |
| 32 | 040324 | TRẦN NGUYỄN NHƯ NGỌC     | 10/05/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 4.250 | 7.750 | 5.400 | 9.250  | 26.650 |
| 33 | 030415 | ĐÀO NGỌC MỸ PHƯƠNG       | 30/10/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 5.650 | 7.250 | 6.000 | 7.750  | 26.650 |
| 34 | 040433 | NGUYỄN HẠ QUỲNH          | 14/07/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 6.100 | 6.500 | 6.200 | 7.750  | 26.550 |
| 35 | 040454 | NGUYỄN TRỊNH THIÊN THANH | 10/10/2011 | Lâm Đồng | Nữ  | 4.200 | 7.000 | 3.600 | 11.500 | 26.300 |

Danh sách này có 385 học sinh trúng tuyển vào lớp 10 chuyên năm học 2026 - 2027 và được biên chế thành 11 lớp, trong đó: 02 lớp chuyên Toán với 70 học sinh, 01 lớp chuyên Vật lý với 35 học sinh, 01 lớp chuyên Hóa học với 35 học sinh, 01 lớp chuyên Sinh học với 35 học sinh, 02 lớp chuyên Tiếng Anh với 70 học sinh, 01 lớp chuyên Ngữ văn với 35 học sinh, 01 lớp chuyên Tin học với 35 học sinh, 01 lớp chuyên Lịch sử với 35 học sinh, 01 lớp chuyên Địa lý với 35 học sinh.